

Số: ~~1692~~ /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ
người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm
do đại dịch COVID-19 thuộc huyện Tân Biên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên tại các Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Tân Biên và đề nghị của Tổ Thẩm định tại Tờ trình số 2278/TTr-TTĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19 thuộc huyện Tân Biên cho 58 người, với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 01 tháng (tháng 4/2020), từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên thực hiện việc chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước; Tổ Thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Long, Nhung;
- PVHXH;
- Lưu: VT, VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. 



Nguyễn Mạnh Hùng





DANH SÁCH
HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỘNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM HUYỆN TÂN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 15/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8-9
I Xã Hòa Hiệp									
1	Trần Yến Nhi		1990	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
2	Võ Thị Dung		1973	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
3	Bùi Thị Nhung Tú		1979	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
4	Nguyễn Thị Thúy		1972	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
5	Nguyễn Thị Kim Phương		1991	Ấp Hòa Đông B, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
6	Huỳnh Thị Nhung		1961	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
7	Huỳnh Thị Lan		1972	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
8	Nguyễn Hiệp Hòa		1990	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
9	Nguyễn Thị Tuyết Hoa		1964	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
10	Trương Thị Vân		1975	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
11	Cao Văn Thao		1960	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
12	Nguyễn Thị Huyền Trang		1991	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
13	Lê Văn Sang		1979	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
14	Võ Văn Khoa	1974		Áp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
15	Trương Văn Kiệp	1964		Áp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
16	Võ Thị Vinh Hoa		1968	Áp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
17	Trì Thị Thu Thảo		1978	Áp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
18	Nguyễn Văn Vinh	1948		Áp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
19	Nguyễn Thị Lệ Quyên		1977	Áp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
20	Nguyễn Thị Hạnh		1966	Áp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
Cộng									
20.000.000									
II Xã Trà Vong									
1	Nguyễn Thị Tố oanh		1971	Áp Suối Ông Đình, xã Trà Vong, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
2	Phạm Thị Mộng Tuyền		1981	Áp 4, xã Trà Vong, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
Cộng									
2.000.000									
III Xã Tân Lập									
1	Võ Thị Kim Loan		1986	Áp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên		Nhân viên bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
2	Nguyễn Thị Hằng		1981	Áp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
3	Lê Hoàng Hùng	1977		Áp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên		Chạy xe ôm	1.000.000		1.000.000
4	Phạm Công Hiếu	1995		TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng (tạm trú áp Tân Tiến, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Nhân viên bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
5	Hồ Thị Huệ		1970	Áp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện Tân Biên		Nhân viên bán quán ăn	1.000.000		1.000.000



STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
6	Đàm Thị Chiến		1956	Bình Phước (tạm trú ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Thu gom rác, phế liệu	1.000.000		1.000.000
7	Huỳnh Thị Hồng Nhung		2001	Thị trấn Tân Biên (tạm trú ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Phụ quán nước	1.000.000		1.000.000
8	Lê Thị Liên		1968	Ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
9	Nguyễn Văn Phong	1990		X. Thanh Tân, H. Thanh Liêm, T. Hà Nam (tạm trú ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Nhân viên quán phở	1.000.000		1.000.000
10	Đỗ Thị Diệu Ly		1998	H. Thanh Liêm, T. Hà Nam (tạm trú ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Nhân viên quán phở	1.000.000		1.000.000
11	Nguyễn Thị Uyên Chi		1976	An Giang (tạm trú ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Nhân viên - Quán ăn Bún Cả	1.000.000		1.000.000
12	Hồ Ngọc Hân		2000	An Giang (tạm trú ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Nhân viên - Quán ăn Bún Cả	1.000.000		1.000.000
13	Trần Thị Mỹ Trinh		1984	An Giang (tạm trú ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện Tân Biên)		Bán vé số	1.000.000		1.000.000
Cộng									
13.000.000									

IV Thị trấn Tân Biên									
1	Hoàng Trọng Minh	1982		Khu phố 1, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán quán nước	1.000.000		1.000.000
2	Phan Ngọc Khánh	1977		Thành Tây, huyện Tân Biên (tạm trú khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên)		Bán quán nước	1.000.000		1.000.000
3	Lâm Thành Ngôn	1977		TP HCM (tạm trú khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên)		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
4	Dương Văn Bảo	1980		Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
5	Đặng Thị Nhung		1945	Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
6	Trần Văn Bành		1976	Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
7	Dương Phú An	1999		Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
8	Nguyễn Văn Việt	1974		Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
9	Dương Thị Huệ		1996	Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
10	Trần Thị Ngọc		1975	Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
11	Đỗ Phi Hồ	1984		Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
12	Hoàng Hồng Hải	1977		Khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
13	Trịnh Thị Bích Tuyền		1986	Khu phố 4, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
14	Trần Thị Thiêng		1963	Khu phố 4, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
15	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		1983	Khu phố 4, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
16	Nguyễn Thị Kim Xuân		1974	Xã Thanh Tây, huyện Tân Biên (tạm trú khu phố 4, thị trấn Tân Biên, huyện Tân)		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
17	Nguyễn Văn Đang	1977		Khu phố 4, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
18	Phạm Thị Sáng		1976	Khu phố 5, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
19	Nguyễn Thị Hoa		1982	Khu phố 5, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
20	Võ Thị Tha		1963	Khu phố 5, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
21	Lưu Văn Dạng	1975		Khu phố 5, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Xe ôm	1.000.000		1.000.000
22	Nguyễn Thị Thanh Hằng		1960	Khu phố 6, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán hàng rong	1.000.000		1.000.000
23	Nguyễn Thị Anh Xuân		1974	Khu phố 7, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên		Bán quán nước	1.000.000		1.000.000
Cộng									23.000.000
Tổng cộng									58.000.000